

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Hòa.

+ Ông Phạm Xuân Hoàng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu H, SN: 1980

Trú tại: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Anh Lê Bá T, SN: 1975

Trú tại: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

(Chị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Thu H trình bày:*

Chị với anh Lê Bá T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 28/12/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà chị cố gắng chịu đựng cho đến đầu năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, chị không thể chịu đựng được nữa nên quyết định gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T ham chơi bài bạc dẫn đến vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, anh T không chăm lo cho gia đình và còn thường xuyên đánh chị. Hiện nay vợ chồng chị phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Bá T.

Chị với anh Lê Bá T có 02 người con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày 20/2/1998 và Lê Bá Danh T, sinh ngày 14/12/2012. Các con hiện nay sức khỏe phát triển bình thường. Khi ly hôn cháu H đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu H; đối với cháu T hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu T. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Bá T trình bày:

Anh với chị Lương Thị Thu H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 28/12/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, lúc nóng giận anh có đánh bạt tai chị H, anh vì ham chơi dẫn đến nợ nần buộc anh phải bán nhà để trả nợ nên chị H buồn bực yêu cầu ly hôn anh. Hiện nay vợ chồng anh phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì các con và vì gia đình nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn chị H.

Anh với chị Lương Thị Thu H có 02 người con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày 20/2/1998 và Lê Bá Danh T, sinh ngày 14/12/2012. Các con hiện nay sức khỏe phát triển bình thường. Cháu H đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu H; đối với cháu T hiện đang ở với chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn anh xin nhận nuôi cháu T. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh cháu T, giấy chứng minh nhân dân chị H, anh T, sổ hộ khẩu.
- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn không có chứng cứ giao nộp cho tòa và thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp.
- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai chị H, anh T, cháu T, biên bản xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Lương Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Bá T. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị H được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn chị Lương Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Lương Thị Thu H với anh Lê Bá T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 28/12/1996 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Lương Thị Thu H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà chị cố gắng chịu đựng cho đến đầu năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, chị không thể chịu đựng được nữa nên quyết định gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T ham chơi bài bạc dẫn đến vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, anh T không chăm lo cho gia đình và còn thường xuyên đánh chị. Chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Bá T. Anh T thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì gia đình và vì các con nên anh

không đồng ý ly hôn chị H.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Lương Thị Thu H với anh Lê Bá T phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi dẫn đến nợ nần vợ chồng phải bán nhà trả nợ, có lúc anh T còn đánh chị H. Hiện nay vợ chồng chị H, anh T phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Các bên thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng anh T cho rằng vì gia đình nên anh không đồng ý ly hôn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án kiên trì hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.4]. Về con chung:

Chị Lương Thị Thu H với anh Lê Bá T có 02 người con chung tên là Lê Thị Thu H, sinh ngày 20/2/1998 và Lê Bá Danh T, sinh ngày 14/12/2012. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường. Cháu H đã đủ 18 tuổi nên chị H, anh T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H; đối với cháu T hiện đang ở với chị H, khi ly hôn chị H, anh T đều có nguyện vọng xin nhận nuôi cháu T. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai cháu T vào ngày 01/12/2021 nguyện vọng cháu T muốn ở với chị H khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Bá Danh T, sinh ngày 14/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Lương Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị H, anh T kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Thu H về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Bá T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Lê Bá T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lương Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Danh T, sinh ngày 14/12/2012. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị Lương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Tuy nhiên, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00..... ngày 01/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P (02b);
- Chi cục THA DS huyện P;
- UBND xã C, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh